

Bản án số: **48/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 03-10-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Bình

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 02-5-2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Chúc L**, sinh năm 1987 (Có mặt)

HKTT: Ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, tạm trú: ấp H, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Mỹ E**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/3/2019, biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Chúc L trình bày:*

Chị và anh Trần Mỹ E chung sống với nhau năm 2003, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 13/6/2012. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Mỹ E có người đàn bà khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau anh Mỹ E có đánh chị bằng tay, vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn nhưng anh Mỹ E vẫn không thay đổi tính tình làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng nhiều, không thể khắc phục được nên vợ chồng thật sự ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012 hiện chị đang trực tiếp nuôi.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Trần Mỹ E;

- Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012, không yêu cầu anh Mỹ E cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn;

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị Trần Chúc L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời cho biết hiện tại chị đang làm thuê nên có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, do đó xác định đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu anh Mỹ E cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Trần Mỹ E vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Chúc L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Trần Mỹ E trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho chị Trần Chúc L ly hôn anh Trần Mỹ E; về nuôi con chung, giao Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012 là con chung của hai người

cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Mỹ E không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo cho bị đơn anh Trần Mỹ E biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* của nguyên đơn chị Trần Chúc L. Nhưng bị đơn anh Mỹ E không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Mỹ E, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh Mỹ E vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *“Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt”*.

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Trần Mỹ E, nhưng bị đơn anh Mỹ E vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Mỹ E, nhưng bị đơn anh Mỹ E vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Mỹ E theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Trần Chúc L và anh Trần Mỹ E khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/6/2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Mỹ E là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Chúc L thấy rằng: Theo chị L trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh Mỹ E có mối quan hệ tình cảm với người đàn bà khác dẫn đến đời sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, trong lúc cãi nhau anh Mỹ E có đánh chị L bằng tay, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ năm tháng 3 năm 2017 đến nay càng nhiều, không thể khắc phục được nên vợ chồng thật sự ly thân nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh Mỹ E là có thật, phù hợp với lời trình bày của chị L nêu trên, do đó hai bên đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay (Bút lục số 33, 34).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy anh Mỹ E đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Mỹ E không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Mỹ E theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo chị L, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Mỹ E cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Mỹ E, nhưng anh Mỹ E vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của chị L nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Trần Thị Thủy T cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (chị L, anh Mỹ E) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Việc chị L không yêu cầu anh Mỹ E cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị L nêu ra thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh Mỹ E không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Vì vậy, cần giao cháu Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị L và anh Mỹ E ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không thể hiện ý kiến yêu cầu gì, nên HĐXX không xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Theo chị L vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của chị L về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để anh Mỹ E biết, nhưng đến nay anh Mỹ E không có ý kiến gì phản bác ý kiến của chị L và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (chị L, anh Mỹ E) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Trần Chúc L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho chị Trần Chúc L ly hôn anh Trần Mỹ E.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Trần Thị Thủy T, sinh ngày 18/10/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng (*đúng theo nguyện vọng của Trần Thị Thủy T*), anh Mỹ E không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Trần Chúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006288 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/10/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh

